

Số: 782 /CSĐP - KTTV

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý II -2026

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(QUÝ II - 2026)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ II/2025	QUÝ II/2026	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	201.571.761.055	280.403.600.619	78.831.839.564	139,11
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		16.754.630	2.174.116	(14.580.514)	12,98
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.555.006.425	280.401.426.503	78.846.420.078	139,12
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	134.992.199.371	167.100.646.081	32.108.446.710	123,79
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.562.807.054	113.300.780.422	46.737.973.368	170,22
6	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21				-	
7	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	25.217.746.987	36.454.190.774	11.236.443.787	144,56
8	Chi phí tài chính	23	VI.28	1.382.729.083	(820.672.781)	(2.203.401.864)	(59,35)
9	Trong đó : Chi phí lãi vay	24				-	
10	Chi phí bán hàng	25		2.714.920.359	2.780.613.990	65.693.631	102,42
11	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20.136.302.446	22.384.027.703	2.247.725.257	111,16
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.546.602.153	125.411.002.284	57.864.400.131	185,67
13	Thu nhập khác	31		14.472.428.176	3.634.998.350	(10.837.429.826)	25,12
14	Chi phí khác	32		3.754.814.936	3.519.816.470	(234.998.466)	93,74
15	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		10.717.613.240	115.181.880	(10.602.431.360)	1,07
16	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		78.264.215.393	125.526.184.164	47.261.968.771	160,39
17	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	15.982.899.202	25.430.082.734	9.447.183.532	159,11
18	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	301.310.621	339.350.552	38.039.931	
19	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60		61.980.005.570	99.756.750.878	37.776.745.308	160,95
20	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		52.699.260.557	82.018.226.158	29.318.965.601	155,63
21	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.280.745.013	17.738.524.720	8.457.779.707	191,13
22	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		607	944		
23	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		607	944		

Trong Quý II/2025: Sản lượng tiêu thụ là: 1.661,59 tấn; Giá bán bình quân: 52.424.719 VND/tấn.

Trong Quý II/2026: Sản lượng tiêu thụ là: 1.597,09 tấn; Giá bán bình quân: 58.237.972 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý II/2026 thấp hơn quý II/2025. Nhưng giá bán bình quân cao hơn quý II/2025.

(giá bán bình quân quý II/2026 cao hơn : 5.813.253 VND/tấn hay tăng 11,09 % so với quý II/2025.

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý II/2026 tăng: 57.864.400.131 VND hay tăng 85,67% so với quý II/2025.

+ Lợi nhuận khác quý II/2026 giảm: 10.602.431.360 VND hay giảm 98,93 % so với quý II/2025 .

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý II/2026 tăng : 37.776.745.308 VND hay tăng: 60,95% so với quý II/2025.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)



Nguyễn Đức Hiền